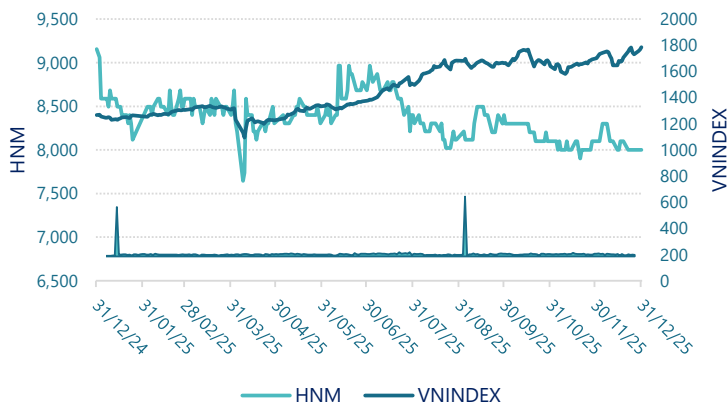




CTCP Sữa Hà Nội (UPCOM: HNM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,155
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,645
SL cổ phiếu LH	44,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	668,820
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	355
P/E	20.3
EPS	395

DT thuần

Q4/25

207

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.0 | 35.0%

YoY: ▲ 19.0 | 9.9%

LN sau thuế

Q4/25

2.84

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.23 | 76.1%

YoY: ▼ 3.14 | -52.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.3%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2025

734

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0 | 2.8%

LN sau thuế

2025

17.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 12.1 | -40.8%

ROE

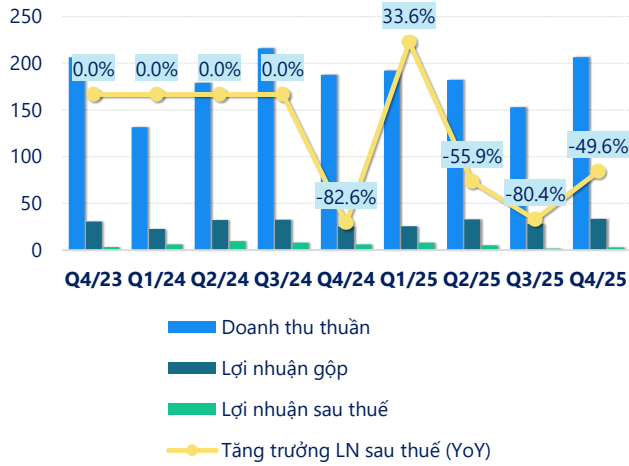
2025

3.7%

+/- YoY: ▼ 2.7%

tỷ VNĐ

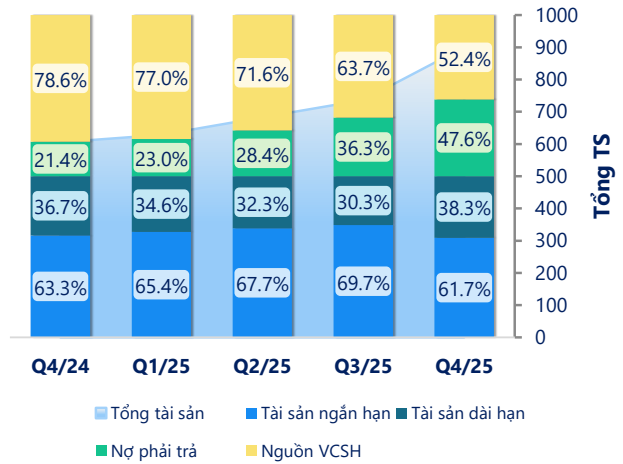
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

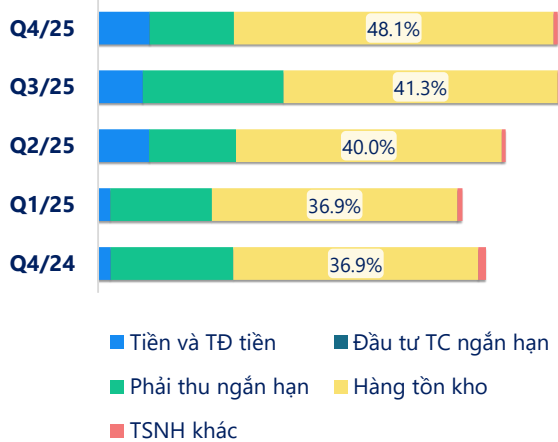
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



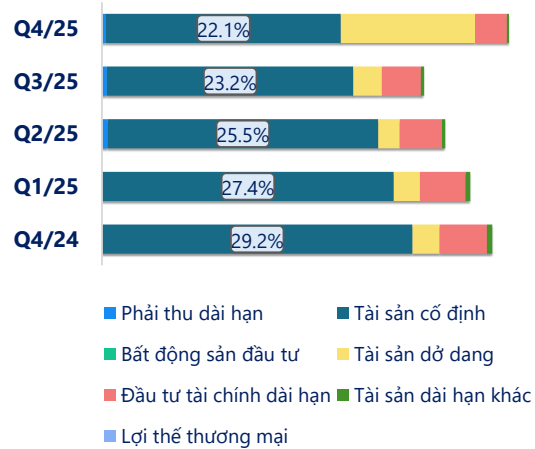
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

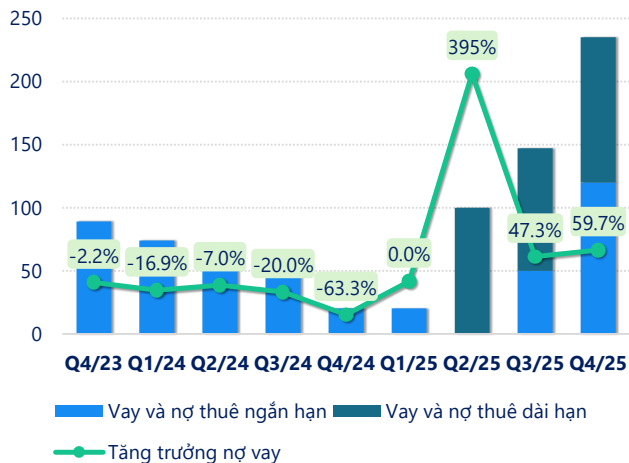
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

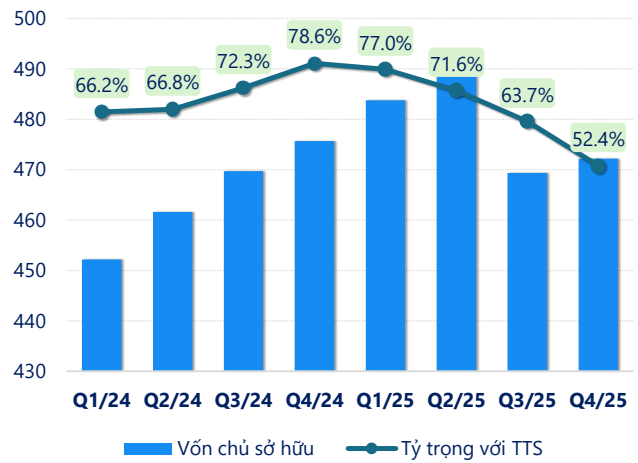
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

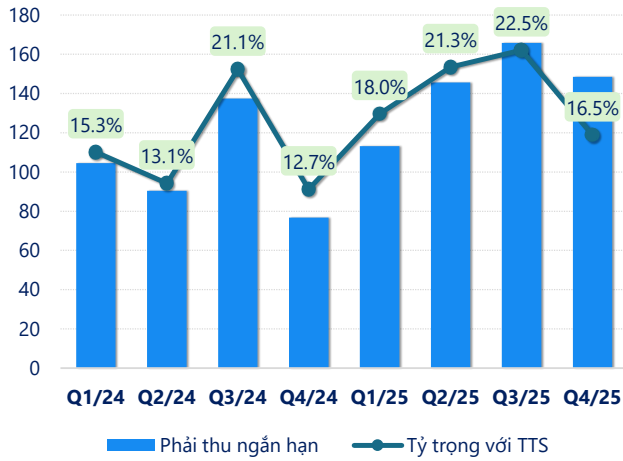
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



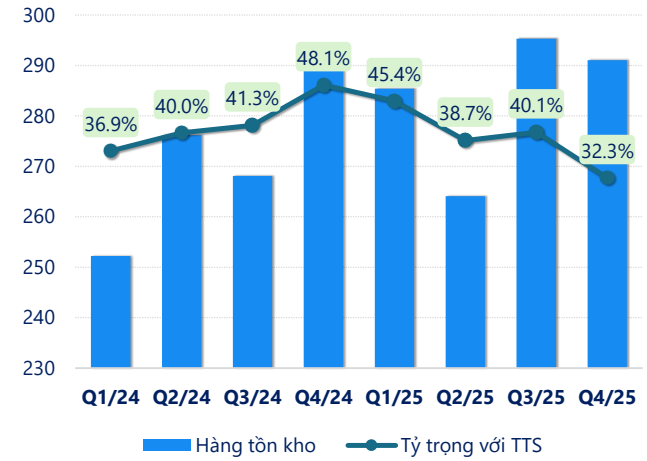
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


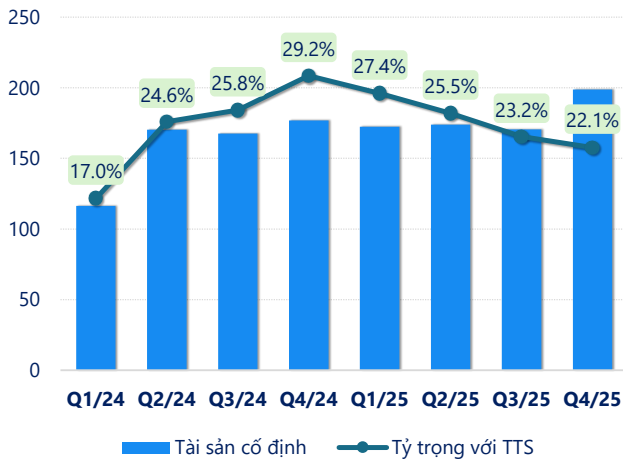
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


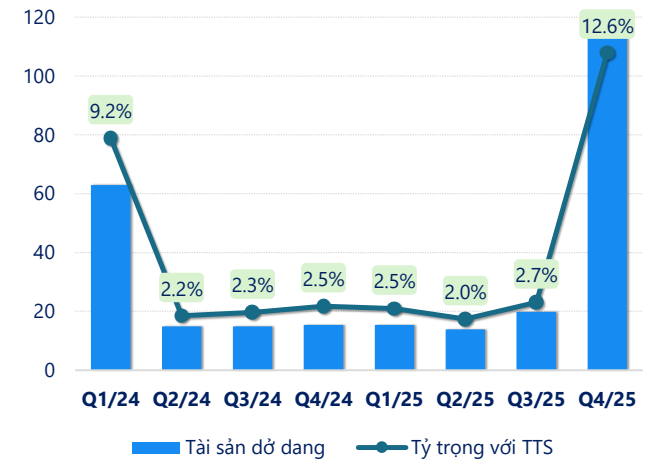
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

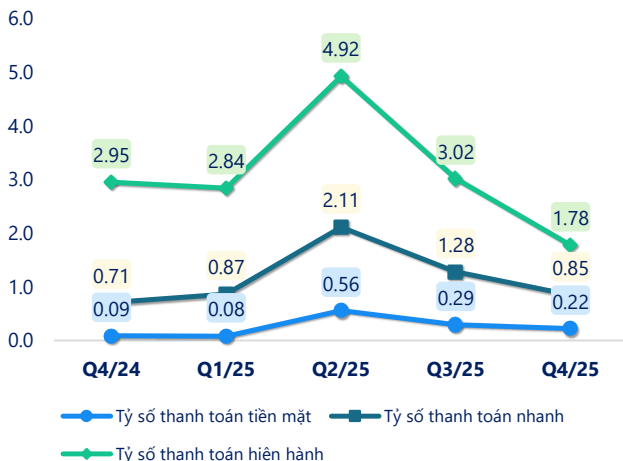
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

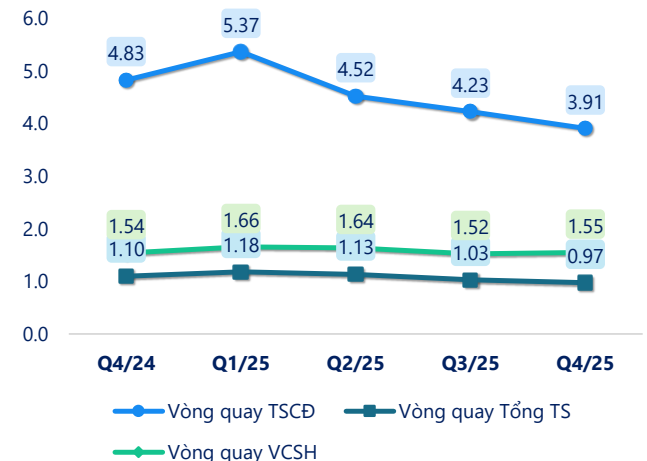
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	606	628	683	737	900
Tài sản ngắn hạn	383	411	462	514	556
Tiền và tương đương tiền	11.5	11.6	52.3	49.8	69.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	35.0
Phải thu ngắn hạn	76.7	113	146	166	149
Hàng tồn kho	291	285	264	295	291
Tài sản ngắn hạn khác	3.74	0.64	0.28	2.61	11.5
Tài sản dài hạn	222	218	220	223	345
Phải thu dài hạn	0	0.03	3.52	3.52	3.52
Tài sản cố định	177	172	174	171	199
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.4	15.4	13.9	19.8	113
Đầu tư tài chính dài hạn	27.0	27.0	27.0	27.0	27.0
Tài sản dài hạn khác	3.06	2.73	2.22	2.21	1.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	130	145	194	267	428
Nợ ngắn hạn	130	145	93.9	170	313
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.2	20.2	0	50.0	120
Phải trả người bán ngắn hạn	43.2	55.7	63.0	87.1	164
Nợ dài hạn	0	0	100	97.3	115
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	100	97.3	115
Nguồn vốn chủ sở hữu	476	484	489	469	472
Vốn chủ sở hữu	476	484	489	469	472
Vốn điều lệ	444	444	444	444	444
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)